TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1176/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v tranh chấp*:"Ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

-Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 829/2022/HNST ngày 12 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 446/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Tổ X, ấp BT, xã BT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Bị đơn*:* Ông Nguyễn Thành A, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Tổ Y, Ấp M, VLA, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành A chung sống vợ chồng từ năm 2013, và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 11 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp và ngày càng trầm trọng, mặc dù cả

hai đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Ông A thường xuyên ăn nhậu và không quan tâm lo cho vợ con mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông A không thay đổi tính tình và Hiện nay, vợ chồng ly thân đã lâu không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Thành A và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn ông A để bà ổn định cuộc sống riêng bà làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017, hiện nay đang sống cùng bà, nay ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai trẻ H và trẻ K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành A:*Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải,Tòa án đã thực hiện việc tống đạt triệu tập ông A đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông A không đến nên Tòa án tiến hành thủ tục nêm yết xét xử vắng mặt ông A theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thành A, giữ nguyên các yêu cầu về con chung, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành A vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành A. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Nguyễn Thành A hiện đang cư trú tại Tổ Y, Ấp M, xã Vĩnh Lộc, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.. nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 11 tháng 4 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên

là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Thành A trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, thông báo về việc mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông A đã không đến Tòa án làm bản tự khai và đơn đề nghị vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục thông báo về việc xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Thành A vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông A theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc ly hôn với ông Nguyễn Thành A là có cơ sở chấp nhận, bỡi lẽ;

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Nguyễn Thị L tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà L và ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông A không có công việc làm, không chăm lo phụ giúp kinh tế gia đình mặc dù nhiều lần bà L đã khuyên và động viên ông tập trung làm việc lo lắng phụ giúp bà nuôi các con nhưng không thành, hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án ông A mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn nhưng ông A vẫn không đến Tòa án chứng tỏ không còn quan tâm hòa giải vợ chồng với bà L nữa nên yêu cầu của bà L là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017, hiện cả hai trẻ đang sống với mẹ, Nay ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai trẻ H và trẻ K. Xét việc nuôi con là quyền và trách nhiệm của cha mẹ, tuy nhiên hiện cả hai trẻ đang được bà L nên đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con là có căn cứ phù hợp thực tế hiện nay và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: bà L xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị

L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041651, ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thành A

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 11 tháng 4 năm 2013, tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2015 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017. Giao cả hai con Nguyễn Tấn H và Nguyễn Tấn K cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng ;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041651, ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Thành A vắng

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- UBND xã Bình Hưng, H BC;
- CCTHA DS H. BC;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường